

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 277/2025/DS-ST
Ngày: 26-9-2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phan Văn Tao

2/ Ông Nguyễn Quốc Xuân

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài, cán bộ Tòa án nhân dân khu vực 6 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở chính Tòa án nhân dân khu vực 6 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 149/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 358/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 411/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần T1.

Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà T2, Số E, phố L, phường T, quận H, thành phố Hà Nội (Nay là phường C, thành phố Hà Nội).

Địa chỉ liên hệ: T2, Lầu D, Số C, đường H, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Quốc H hoặc;

2. Ông Lê Nhất T hoặc;

3. Bà Nguyễn Hoài P hoặc;

4. Hoàng Hải Q (Có mặt).

Cùng địa chỉ liên hệ: T3, Lầu D, Số C đường H, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Bị đơn: Bà Trần Mai N, sinh năm 1999 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số B đường H, Tổ E, Ấp D, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là xã N, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện; Các bản tự khai, Biên bản tiếp cận công khai giao nộp chứng cứ, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Hoài P trình bày:

1/ Ngày 13/01/2022, bà Trần Mai N vay Ngân hàng thương mại cổ phần T1 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) 850.000.000 đồng theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số: 2801/2022/HDTD/BTA/01. Thời hạn vay là 84 tháng; Mục đích vay để mua ô tô VINFAST LUX A PREMIUM; Lãi suất vay: Lãi suất áp dụng trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân là 8,5 %/năm; Lãi suất áp dụng cho thời gian còn lại trong thời hạn vay vốn: bằng lãi suất cơ sở KHCN kỳ hạn ba tháng của T2 tại thời điểm điều chỉnh cộng bên độ 3,5%/năm; Kỳ điều chỉnh lãi suất: 3 tháng/lần; Thời hạn trả: Trả gốc và lãi vào ngày 30 hàng tháng. Ngân hàng đã giải ngân cho bà N 850.000.000 đồng vào ngày 28/01/2022.

Quá trình vay, bà N đã trả được 182.142.864 đồng nợ gốc và 114.746.993 đồng nợ lãi. Từ ngày 30/8/2023 bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng.

Tính đến ngày 26/9/2025 đến nay bà N còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc và nợ lãi là: 877.109.659 đồng trong đó nợ gốc là 667.857.136 đồng, nợ lãi là 209.252.523 đồng.

2/ Ngày 23/02/2022, bà Trần Mai N mở thẻ tín dụng T2 tại Ngân hàng thương mại cổ phần T1, hạn mức 45.000.000 đồng. Tính đến ngày 26/9/2025 đến nay bà N còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc và nợ lãi đối với thẻ tín dụng T2 là: 125.697.702 đồng trong đó nợ gốc là 45.000.000 đồng, nợ lãi là 80.697.702 đồng.

3/ Cùng ngày 23/02/2022, bà Trần Mai N mở thẻ tín dụng T2 tại Ngân hàng thương mại cổ phần T1, hạn mức 40.000.000 đồng. Tính đến ngày 26/9/2025 đến nay bà N còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc và nợ lãi đối với thẻ tín dụng T2 là: 87.057.600 đồng trong đó nợ gốc là 38.495.980 đồng, nợ lãi là 48.561.620 đồng.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay trên là xe ô tô VINFAST LUX A PREMIUM, màu đen, số khung: RPXAB2RSGMV006478, số máy: 211590012VF20SED, biển kiểm soát 51K- 147.75 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 098775 do Phòng C – Công an Thành phố H cấp ngày 26/01/2022 đứng tên bà Trần Mai N. Việc thế chấp và nhận thế chấp tài sản trên theo Hợp đồng thế chấp số 2801/2022/HDTD/BTA/01 ngày 13/01/2022, đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Cục Đ – Bộ Tư pháp ngày 27/01/2022.

Do bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Trần Mai N phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc, nợ lãi, phí tạm tính đến ngày 26/9/2025 là 877.109.659 đồng, gồm: Nợ gốc là 667.857.136 đồng, nợ lãi là 209.252.523 đồng theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số: 2801/2022/HDTD/BTA/01 ngày 13/01/2022.

- Buộc bà Trần Mai N phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc, nợ lãi, phí tạm tính đến ngày 26/9/2025 là 125.697.702 đồng, gồm: Nợ gốc là 45.000.000 đồng, nợ lãi là 80.697.702 đồng theo Thẻ tín dụng T4 ký ngày 23/02/2022;

- Buộc bà Trần Mai N phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc, nợ lãi, phí tạm tính đến ngày 26/9/2025 là 87.057.600 đồng, gồm: Nợ gốc là 38.495.980 đồng, nợ lãi là 48.561.620 đồng theo Thẻ tín dụng T2 ký ngày 23/02/2022;

- Buộc bà Trần Mai N phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 27/9/2025 cho đến ngày thực tế bà Trần Mai N trả hết nợ cho nguyên đơn.

Trường hợp bà Trần Mai N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mại tài sản đảm bảo là xe ô tô VINFAST LUX A PREMIUM, màu đen, số khung: RPXAB2RSGMV006478, số máy: 211590012VF20SED, biển kiểm soát 51K- 147.75 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 098775 do Phòng C – Công an Thành phố H cấp ngày 26/01/2022 đứng tên bà Trần Mai N. Việc thế chấp và nhận thế chấp tài sản trên theo Hợp đồng thế chấp số 2801/2022/HDTD/BTA/01 ngày 13/01/2022, đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Cục Đ – Bộ Tư pháp ngày 27/01/2022.

Trường hợp toàn bộ khoản tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán khoản nợ của bà Trần Mai N tại ngân hàng không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì bà Trần Mai N có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho ngân hàng cho đến khi thực trả hết nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để tiếp cận công khai thu thập chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không do trở ngại khách quan cũng không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

* Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét vào nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc xét xử vắng mặt các đương sự đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Ngân hàng Thương mại cổ phần T1 khởi kiện yêu cầu bà Trần Mai N phải thanh toán số tiền nợ theo các hợp đồng tín dụng, xác định đây là vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà N có địa chỉ cư trú tại xã N, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025; Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025.

[1.2] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để tiếp cận công khai thu thập chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không do trở ngại khách quan cũng không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về số tiền nợ theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số: 2801/2022/HDTD/BTA/01 ngày 13/01/2022:

Xét Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số: 2801/2022/HDTD/BTA/01 ngày 13/01/2022 có đủ cơ sở xác định:

- Về số nợ: Ngày 13/01/2022, bà Trần Mai N vay Ngân hàng thương mại cổ phần T1 850.000.000 đồng; Thời hạn vay là 84 tháng; Mục đích vay để mua ô tô VINFAST LUX A PREMIUM; Thời hạn trả: Trả gốc và lãi vào ngày 30 hàng tháng. Ngân hàng đã giải ngân cho bà N 850.000.000 đồng vào ngày 28/01/2022.

Quá trình vay, bà N đã trả được 182.142.864 đồng nợ gốc và 114.746.993 đồng nợ lãi. Từ ngày 30/8/2023 bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thoả thuận tại hợp đồng.

Tính đến ngày 26/9/2025, bà N còn nợ Ngân hàng 877.109.659 đồng, gồm: Nợ gốc: 667.857.136 đồng, nợ lãi là 209.252.523 đồng. Như vậy, bà N là bên đã vi phạm nội dung đã thoả thuận và các điều khoản thanh toán đã ký kết trong hợp đồng tín dụng gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nên Ngân hàng khởi kiện đề nghị Toà án buộc bà Trần Mai N phải trả nợ gốc là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về lãi suất cho vay: Lãi suất áp dụng trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân là 8,5 %/năm; Lãi suất áp dụng cho thời gian còn lại trong thời hạn vay vốn: bằng lãi suất cơ sở KHCN kỳ hạn ba tháng của T2 tại thời điểm điều chỉnh cộng bên độ 3,5%/năm; Kỳ điều chỉnh lãi suất: 3 tháng/lần là phù hợp quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng.

[2.2] Về yêu cầu buộc bà Trần Mai N phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ thẻ tín dụng là: 125.697.702 đồng trong đó nợ gốc là 45.000.000 đồng, nợ lãi là 80.697.702 đồng theo Thẻ tín dụng T4 ký ngày 23/02/2022

Xét Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng T2 kiêm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 23/02/2022 thì bà Trần Mai N mở thẻ tín dụng T2 tại Ngân hàng thương mại cổ phần T1, với hạn mức 45.000.000 đồng. Tính đến ngày 13/8/2025 đến nay bà N còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc và nợ lãi đối với thẻ tín dụng T2 là: 125.697.702 đồng trong đó nợ gốc là 45.000.000 đồng, nợ lãi là 80.697.702 đồng.

Bà N đã vi phạm điều khoản thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà N phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T1 số tiền còn nợ tính đến ngày 26/9/2025 là 125.697.702 đồng.

[2.3] Về yêu cầu buộc bà Trần Mai N phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ thẻ tín dụng là: 87.057.600 đồng trong đó nợ gốc là 38.495.980 đồng, nợ lãi là 48.561.620 đồng theo Thẻ tín dụng T2 ký ngày 23/02/2022: 87.057.600 đồng.

Xét Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng T2 kiêm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 23/02/2022 thì cùng ngày bà Trần Mai N mở thẻ tín dụng T2 tại Ngân hàng thương mại cổ phần T1, theo đó Ngân hàng đồng ý cấp cho bà N và với hạn mức 40.000.000 đồng. Tính đến ngày 13/8/2025 đến nay bà N còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc và nợ lãi đối với thẻ tín dụng T2 là: 87.057.600 đồng trong đó nợ gốc là 38.495.980 đồng, nợ lãi là 48.561.620 đồng.

Bà N đã vi phạm điều khoản thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà N phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T1 số tiền còn nợ tính đến ngày 26/9/2025 là 87.057.600 đồng.

[2.4] Về yêu cầu buộc bà Trần Mai N phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 26/9/2025 cho đến ngày thực tế bà Trần Mai N trả hết nợ cho nguyên đơn.

Căn cứ án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 có nội dung: “*Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này...*”. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn tiếp tục chịu lãi phát sinh sau ngày xét xử là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Về phát mại tài sản bảo đảm:

Khi vay nợ các bên có lập Hợp đồng thế chấp số 2801/2022/HDTD/BTA/01 ngày 13/01/2022, đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Cục Đ – Bộ Tư pháp ngày 27/01/2022 thể hiện việc thế chấp tài sản là xe ô tô VINFAST LUX A PREMIUM, màu đen, số khung: RPXAB2RSGMV006478, số máy: 211590012VF20SED, biển kiểm soát 51K- 147.75 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 098775 do Phòng C – Công an Thành phố H cấp ngày 26/01/2022 đứng tên bà Trần Mai N.

Xét hợp đồng thế chấp được ký kết giữa bà Trần Mai N với Ngân hàng do tự nguyện của các bên, phù hợp với quy định của pháp luật và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật nên có giá trị thực hiện. Vì vậy nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận. Do đó, trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và tiền lãi thì Ngân hàng có quyền đề nghị phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

Trường hợp toàn bộ khoản tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán khoản nợ của bà Trần Mai N tại ngân hàng không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì bà Trần Mai N có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho ngân hàng cho đến khi thực trả hết nợ.

[3] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Buộc bà Trần Mai N phải trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T1 2.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 44.695.949 đồng do bị đơn phải chịu.

Ngân hàng Thương mại cổ phần T1 không phải chịu án phí. Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần T1 21.144.050 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0058402 ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 184; Điều 227; Điều 228; Điều 264; Điều 266; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;
- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Án lệ 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;
- Căn cứ Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc bà Trần Mai N phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T1 số tiền nợ tính đến ngày 26/9/2025 là 877.109.659 đồng, gồm: Nợ gốc: 667.857.136 đồng, nợ lãi là 209.252.523 đồng đồng theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số: 2801/2022/HDTD/BTA/01 ngày 13 tháng 01 năm 2022.

- Buộc bà Trần Mai N phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T1 số tiền nợ tính đến ngày 26/9/2025 là 125.697.702 đồng trong đó nợ gốc là 45.000.000 đồng, nợ lãi là 80.697.702 đồng theo Thẻ tín dụng T4 ký ngày 23/02/2022;

- Buộc bà Trần Mai N phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T1 số tiền nợ tính đến ngày 26/9/2025 là 87.057.600 đồng trong đó nợ gốc là 38.495.980 đồng, nợ lãi là 48.561.620 đồng theo Thẻ tín dụng T2 ký ngày 23/02/2022: 87.057.600 đồng.

2/ Khi bà Trần Mai N thanh toán xong toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T1 thì Ngân hàng Thương mại cổ phần T1 phải trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 098775 do Phòng C – Công an Thành phố H cấp ngày 26/01/2022 đứng tên bà Trần Mai N.

3/ Nếu bà Trần Mai N vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần T1 được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: xe ô tô VINFAST LUX A PREMIUM, màu đen, số khung: RPXAB2RSGMV006478, số máy: 211590012VF20SED, biển kiểm soát 51K-147.75 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 098775 do Phòng C – Công an thành phố H cấp ngày 26/01/2022 đứng tên bà Trần Mai N. Việc thế chấp và nhận thế chấp tài sản trên theo Hợp đồng thế chấp số 2801/2022/HDTD/BTA/01 ngày 13/01/2022, đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Cục Đ – Bộ Tư pháp ngày 27/01/2022.

Sau khi phát mại tài sản đảm bảo thu hồi nợ, nếu số tiền thu được từ việc bán tài sản bảo đảm trừ đi các khoản chi phí thu hồi, bán tài sản và các chi phí liên quan khác... Ngân hàng Thương mại cổ phần T1 thu nợ còn thừa, Ngân hàng sẽ trả lại phần thừa cho chủ tài sản. Nếu Ngân hàng Thương mại cổ phần T1 thu nợ còn thiếu thì Trần Mai N phải tiếp tục trả hết khoản nợ cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần T1.

4/ Kể từ ngày 26/9/2025 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều

chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5/ Về chi phí tố tụng: Bà Trần Mai N phải trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T1 2.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

6/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Mai N phải chịu 44.695.949 đồng.

- Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần T1 21.144.050 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0058402 ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

7/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- VKSND khu vực 6 – Tp. HCM;
- Thi hành án dân sự Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Long